VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 29.11.2021 16:21:28 +07:00

TTĐTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1994/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020 - 2025

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: C
Ngày: 29/11/2021

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020 - 2025 kèm theo Quyết định này (sau đây gọi tắt là Phương án).

Điều 2. Giao Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ đối với các Luật, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). 47

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

PHẦN I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 1: CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản sao) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm a, b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 06/2016/NĐ-CP).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 262.385.568 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 174.923.712 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 87.461.856 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

2. Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản sao) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm d, đ khoản 5 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.065.728 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.799.296 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.266.432 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản sao) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm đ, e khoản 6 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.065.728 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.799.296 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.266.432 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản sao) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm d, g, h khoản 6 Điều 18 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.672.992 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48.058.816 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 11.614.176 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,5%.

5. Thủ tục hành chính 5: Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm a, e, g khoản 7 Điều 18 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 84.997.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 63.132.336 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 21.865.464 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,7%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm đ, e khoản 3 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.932.512 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.599.472 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.333.040 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,7%.

7. Thủ tục hành chính 7: Sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm d, đ khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.865.904 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.532.864 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.333.040 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,5%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp lại giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình đã được cấp.

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm c, đ, e khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.703.280 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.740.480 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.962.800 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,5%.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp giấy chứng nhận dăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.599.472 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.466.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.133.216 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,2%.

10. Thủ tục hành chính 10: Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống còn 12 ngày.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm d khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.599.472 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.466.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.133.216 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,2%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 2 và các điểm a, b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 27.109.620 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.777.020 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.332.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,2%.

12. Thủ tục hành chính 12: Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 2 và các điểm a, c, d khoản 5 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.333.260 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.036.980 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,2%.

13. Thủ tục hành chính 13: Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Giảm từ 02 bộ hồ sơ (01 bản chính và 01 bản photo) còn 01 bộ hồ sơ.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm a, c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.333.260 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.036.680 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.580 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,2%.

15. Thủ tục hành chính 15: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ "*phương án địa điểm đặt phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng phù hợp theo diện tích quy định*".

- Bỏ thành phần hồ sơ "*Nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng*".

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 35 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2018/NĐ-CP).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.162.844.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.511.028.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 651.816.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,1%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Yêu cầu thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh thiết yếu và yêu cầu phải truyền dẫn kênh thiết yếu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm yêu cầu phải truyền dẫn kênh chương trình thiết yếu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet và yêu cầu phải có thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình thiết yếu.

Lý do: Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet phát triển theo hướng cá nhân hóa, người dùng nghe, xem nội dung theo yêu cầu. Vì vậy, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp cắt giảm chi phí, đề xuất chỉnh sửa theo hướng cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được cung cấp dịch vụ nội dung theo yêu cầu độc lập, không nhất thiết phải cung cấp kênh

chương trình thiết yếu trên dịch vụ. Do không cung cấp kênh chương trình thiết yếu trên dịch vụ, nên không cần yêu cầu đơn vị phải có thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình thiết yếu.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 2 và bổ sung thêm điểm e khoản 2 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

PHẦN II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 2: CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các Điều 32d, 32đ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 72/2013/NĐ-CP) và các khoản 22, 23 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 82.958.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 82.958.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32e Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.629.540 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.629.540 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32e Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa 1.036.980 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.036.980 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

4. Thủ tục hành chính 4: Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32e Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 740.700 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 740.700 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (thủ tục hành chính trung ương và địa phương).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32e Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.851.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 11.851.200 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

6. Thủ tục hành chính 6: Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có cổ phần vốn góp từ 30% vốn đều lệ trở lên (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32e Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.481.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.481.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

7. Thủ tục hành chính 7: Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32i Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 27 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.962.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.962.800 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của doanh nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP; điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2018/NĐ-CP).

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP; điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.

PHẦN III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 3: CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các Điều 33a, 33b Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và các khoản 30, 31 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.333.040 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.333.040 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 33c Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 32 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 814.770 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 814.770 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 33c Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 32 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 740.700 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 740.700 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

4. Thủ tục hành chính 4: Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (G2, G3, G4); Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 33c Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.481.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.481.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có cổ phần vốn góp từ 30% vốn đều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do:

- Cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 33c Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 592.560 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 592.560 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Giảm bớt các điều kiện kinh doanh giúp cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ trong trường hợp cung cấp dịch vụ trên Internet

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Giảm bớt các điều kiện kinh doanh giúp cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Giảm bớt các điều kiện kinh doanh giúp cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do:

- Giảm bớt các điều kiện kinh doanh giúp cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung vào quản lý nội dung đối với từng trò chơi điện tử được phát hành.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP và khoản 4 Điều 2 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.

III. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 11 Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.243.936 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.977.504 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.266.432 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,2%.

2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo nhanh theo tháng hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT); điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.251.068 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.673.652 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.577.416 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,2%.

3. Chế độ báo cáo 3: Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT; điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.251.068 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.673.652 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.577.416 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,2%.

4. Chế độ báo cáo 4: Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa 770.328 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 414.792 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 355.536 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,2%.

5. Chế độ báo cáo 5: Báo cáo hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT; điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.392.296 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.903.544 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.488.752 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,2%.

PHẦN IV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 4: BÁO CHÍ

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo tình hình hoạt động phát thanh, truyền hình

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho đơn vị thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 3 Điều 10 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.

c) Lợi ích cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa 27.731.808 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.932.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.799.296 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,2%.

PHẦN V. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH V: TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy công nhận các tổ chức đủ điều kiện tổ chức thi, chấm thi vô tuyến điện nghiệp dư

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Bỏ "*Bản sao Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định*".

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 5 và các điều khoản liên quan tại Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành "quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư".

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 346.908 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 287.652 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 82,9%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không phải thực hiện việc phối hợp, đăng ký tần số vô tuyến điện với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 75.343.008 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 46.176.880 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 29.166.128 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,7%.

3. Thủ tục hành chính 3: Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 111.708.324 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 61.200.180 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 50.508.144 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45,2%.

II. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo thông tin tổ chức các khóa đào tạo

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.335.072 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 711.072 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 624.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,74%.

2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo các thông tin về tình hình cấp, gia hạn Chứng chỉ kỹ thuật viên VTĐ nghiệp dư

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 98.384 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 39.128 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,77%.

PHẦN VI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 6: KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.860.287.120 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.288.229.696 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 572.057.424 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

2. Thủ tục hành chính 2: Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải công bố hợp quy.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.906.858.080 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.525.486.464 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 381.371.616 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Mẫu hóa đơn đề nghị cấp phép.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1 Điều 26 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 25/2011/NĐ-CP).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 556.997.140 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 524.702.620 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32.294.520 đồng/năm.

- Tỷ lệ đơn giản hóa chi phí: 5,8%.

4. Thủ tục hành chính 4: Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 52.275.040 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.461.920 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 30.813.120 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58,94%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa đơn đề nghị gia hạn giấy phép.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.365.464 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.210.632 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.154.832 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,3%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa đơn đề nghị cấp phép.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 56.997.140 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.702.620 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32.294.520 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,7%.

7. Thủ tục hành chính 7: Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa đơn đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.032.204 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.766.212 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.265.992 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,7%.

8. Thủ tục hành chính 8: Đăng ký Bản thỏa thuận kết nối mẫu.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.273.894 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.673.982 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.599.912 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 48,9%.

9. Thủ tục hành chính 9: Đăng ký giá cước viễn thông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 38 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và bãi bỏ Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.130.056 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.133.216 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 996.840 đồng/năm.

- Tỷ lệ đơn giản hóa chi phí: 31,9%.

10. Thủ tục hành chính 10: Thông báo giá cước viễn thông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 38 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và bãi bỏ Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.216.760 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.555.360 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.661.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,9%.

11. Thủ tục hành chính 11: Đăng ký khuyến mại

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Gộp chung vào thủ tục thông báo giá cước viễn thông và bãi bỏ một số thành phần nội dung trùng lặp.

- Mẫu hóa nội dung thông báo.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức khi thực hiện, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 37 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.259.386 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.355.096 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.904.290 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,9%.

12. Thủ tục hành chính 12: Thông báo khuyến mại

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa nội dung thông báo.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức khi thực hiện, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 37 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.912.570 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.666.520 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.246.050 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,9%.

II. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm tần suất báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương từ 02 lần/năm xuống 01 lần/năm.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức khi thực hiện, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 8 Điều 16 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 63.285.408 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.642.704 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.642.704 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

PHẦN VII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 7: HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ về các thông tin, giấy tờ chứng minh nội dung "*Có đủ trang thiết bị để tổ chức xuất bản*".

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ chứng minh thông tin về diện tích trụ sở của nhà xuất bản.

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Bảo đảm các quy định minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh quy định chung chung, khó áp dụng. Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 14 Luật Xuất bản; khoản 3 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018; bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 195/2013/NĐ-CP).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.984.768 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.110.720 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 874.048 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 15 Luật Xuất bản

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 574.048 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 455.536 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 79,4%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ *"Sổ hộ khẩu của người đứng đầu văn phòng đại diện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp"*.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Thông tin về nơi thường trú của người đứng đầu văn phòng đại diện đã được thể hiện trong Phiếu lý lịch tư pháp, do đó bỏ thành phần sổ hộ khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho văn phòng đại diện khi thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.399.648 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.681.224 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.718.424 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,9%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 2 Điều 7 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 355.908 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 237.396 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7%.

5. Thủ tục hành chính 5: Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 2 Điều 7 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 355.908 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 237.396 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7%.

6. Thủ tục hành chính 6: Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài (đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu, tên gọi, nội dung hoạt động)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ "*Sổ hộ khẩu của người đứng đầu văn phòng đại diện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp*".

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Thông tin về nơi thường trú của người đứng đầu văn phòng đại diện đã được thể hiện trong Phiếu lý lịch tư pháp, do đó bỏ thành phần sổ hộ khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho văn phòng đại diện khi thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.501.728 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.622.144 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 879.584 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,2%.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp giấy xác nhận đăng ký xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ 04 nội dung trong mẫu đăng ký xuất bản bao gồm: Tên nguyên bản của xuất bản phẩm dịch; Ngữ được dịch *(dịch từ ngôn ngữ nào);* Khuôn khổ *(hoặc định dạng file);* Số trang *(hoặc dung lượng xuất bản phẩm điện tử).*

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho nhà xuất bản tiết kiệm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa khoản 2 Điều 22 Luật Xuất bản; các khoản 2, 3 Điều 10 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; mẫu 07 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.607.996.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.516.432.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.091.564.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,3%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: "*Ba bản thảo tài liệu*" xuống còn "*hai bản thảo tài liệu*".

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà xuất bản và đơn giản hóa cách thức thực hiện, thống nhất thành phần hồ sơ, tránh cách hiểu không thống nhất, giúp cho cá nhân, tổ chức tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 4, 5 Điều 25 Luật Xuất bản; Điều 10 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 143.626.240 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 104.887.520 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 38.738.720 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.157.952.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.799.846.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.358.106.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,97%

9. Thủ tục hành chính 9: Chấp thuận bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản phải có ít nhất *03 năm* làm một trong các công việc biên tập, quản lý xuất bản hoặc báo chí ... xuống còn *02 năm*.

- Mẫu hóa và bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà xuất bản và đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho nhà xuất bản tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 17 Luật Xuất bản; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; khoản 4 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.110.280 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.554.920 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.555.360 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,3%.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp chứng chỉ hành nghề biên tập

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Tạo điều kiện làm việc cho biên tập viên, giảm thời gian thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 20 Luật Xuất bản; mẫu số 05 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 82.275.536 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 41.864.364 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.411.172 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,1%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị thu hồi)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian *02 năm* xuống *01 năm* kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập biên tập viên mới được đề nghị xét cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập.

- Mẫu hóa và bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Tạo điều kiện làm việc cho biên tập viên, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính và giảm tối đa chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 2, 4 Điều 20 Luật Xuất bản; các khoản 2, 3 Điều 6 và mẫu số 05 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 267.024 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 29.628 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 237.396 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,9%.

12. Thủ tục hành chính 12: Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị mất hoặc hư hỏng)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho nhà xuất bản tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 20 Luật Xuất bản; các khoản 2, 3 Điều 6 và mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 267.024 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 29.628 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 237.396 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,9%.

13. Thủ tục hành chính 13: Chấp thuận miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 9 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 455.536 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 337.024 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 74%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Có đủ trang thiết bị để tổ chức sản xuất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ điều kiện kinh doanh "Có đủ trang thiết bị để tổ chức sản xuất".

Lý do: Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích phù hợp, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản điều kiện kinh doanh: *"Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích phù hợp, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc"* sửa thành *"có trụ sở đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc"*.

Lý do: Tạo điều kiện cho các nhà xuất bản trong việc đáp ứng yêu cầu về trụ sở làm việc; bảo đảm các quy định minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh quy định chung chung, khó áp dụng.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.

III. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Kết quả hoạt động của nhà xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo đối với các nhà xuất bản, tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân phủ thực hiện báo cáo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các nhà xuất bản tại Quyết định số 248/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của bộ thông tin và truyền thông (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 248/QĐ-BTTTT) và Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT ngày 06/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định biểu mẫu các chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT).

- Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT ngày 23/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành thông tin và truyền thông (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT) và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT ngày 29/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.984.416 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.984.416 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo định kỳ hoạt động xuất bản, in và phát hành theo từng quý trong năm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ báo cáo nêu trên.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo đối với các tổ chức, tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân phủ thực hiện báo cáo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các nhà xuất bản tại Công văn số 1961/BTTTT-CXBIPH ngày 28/5/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo định kỳ hoạt động xuất bản, in phát hành theo từng Quý trong năm (sau đây gọi tắt là Công văn số 1961/BTTTT-CXBIPH).

- Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.178.572 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 22.178.572 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

3. Chế độ báo cáo 3: Báo cáo hoạt động xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho nhà xuất bản thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.752.988 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.220.780 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.532.208 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,7%.

4. Chế độ báo cáo 4: Báo cáo tình hình hoạt động của văn phòng đại diện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.451.728 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.777.680 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 674.048 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,5%.

5. Chế độ báo cáo 5: Kết quả hoạt động xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm các tiêu chí báo cáo trùng lắp; Sửa đổi các tiêu chí báo cáo theo hướng hợp nhất với Danh mục và Biểu mẫu chỉ tiêu báo cáo quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BTTTT, Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT và Công văn số 1961/BTTTT-CXBIPH.

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho nhà xuất bản thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.178.572 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.236.364 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9.942.208 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 44,8%.

6. Chế độ báo cáo 6: Báo cáo công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho việc hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.200.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 57.774.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.425.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,7%.

PHẦN VIII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 8: KINH DOANH DỊCH VỤ IN, TRỪ IN BAO BÌ

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép hoạt động in (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức khi thực hiện, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 25/2018/NĐ-CP).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.607.264 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.896.192 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 771.072 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,3%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 130.363.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 94.809.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 35.553.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,3%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại giấy phép hoạt động in (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức khi thực hiện, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 799.956 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 503.676 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.998.680 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.110.280 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.888.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ "*bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh- trật tự; vệ sinh môi trường*" để tương ứng với đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh: (1) Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự. (2) Bảo đảm điều kiện về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

- Bỏ thành phần hồ sơ chứng minh "*Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam*" tại yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính để tương ứng với đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh "*Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam*".

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Đồng thời mở rộng thị trường in trong nước, tạo điều kiện cơ sở in có vốn đầu tư nước ngoài (100% hoặc liên doanh) tham gia vào thị trường in gia công (bao gồm cả in xuất bản phẩm).

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ điểm c khoản 1, điểm e khoản 2 Điều 32 Luật Xuất bản; sửa đổi khoản 4 Điều 32 Luật Xuất bản; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.154.832 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.688.576 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7.466.256 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,8%.

* TTHC Cấp Địa phương:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 986.612.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 426.643.200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 559.969.200 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,76%.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Gộp 02 thủ tục hành chính gồm cấp lại và cấp đổi giấy phép hoạt động in thành 01 thủ tục hành chính.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 5, 6, 7 Điều 32 Luật Xuất bản; các Điều 13, 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.998.680 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.110.280 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.888.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 159.991.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 100.735.200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 59.256.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Gộp 02 thủ tục hành chính gồm cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và cấp lại giấy phép hoạt động in thành 01 thủ tục hành chính.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 5, 6 Điều 32 Luật Xuất bản; các Điều 13, 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.888.180 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm:12.888.180 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 171.842.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 171.842.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (thủ tục hành chính trung ương và cấp địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chuyển đổi hình thức quản lý cấp phép sang hình thức đăng ký.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "*Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in; bản sao có chứng thực hợp đồng in gia công... . Bản sao hộ chiếu ... của người được ủy quyền đặt in*".

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 34 Luật Xuất bản; mẫu số 18 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 46.219.680 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.554.920 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 34.664.760 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 385.164.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 96.291.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 288.873.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75%.

7. Thủ tục hành chính 7: Đăng ký hoạt động cơ sở in (thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.422.144 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.125.864 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,83%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 284.428.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 225.172.800 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 59.256.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,83%.

8. Thủ tục hành chính 8: Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

* TTHC Cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 740.700 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 444.420 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,00%.

* TTHC Cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.221.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.332.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.888.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,00%.

9. Thủ tục hành chính 9: Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 711.072.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 414.792.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.280.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,7%.

10. Thủ tục hành chính 10: Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 65.181.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 35.553.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 29.628.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45,5%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.007.352.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 237.024.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 770.328.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 76,5%.

12. Thủ tục hành chính 12: Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (thủ tục hành chính cấp địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chuyển hình thức Đăng ký sang khai báo.

- Mẫu hóa và thực hiện hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 17 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 705.146.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 186.656.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 518.490.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73,5%.

13. Thủ tục hành chính 13: Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (thủ tục hành chính cấp địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính trên.

Lý do: Cắt giảm thủ tục hành chính giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 142.214.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 142.214.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện "Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự".

Lý do: Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 32 Luật Xuất bản.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Bảo đảm điều kiện về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ điều kiện "Bảo đảm điều kiện về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật".

Lý do: Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 32 Luật Xuất bản.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ điều kiện "Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam".

Lý do: Nhằm mở rộng thị trường in trong nước, tạo điều kiện cơ sở in có vốn đầu tư nước ngoài (100% hoặc liên doanh) tham gia vào thị trường in gia công (bao gồm cả in xuất bản phẩm).

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

III. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Số lượng lao động in theo tỉnh/thành phố

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực. Đồng thời, nhằm thống nhất Danh mục chỉ tiêu báo cáo và Biểu mẫu chỉ tiêu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các doanh nghiệp/cơ sở in tại Quyết định số 248/QĐ-BTTTT và Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT.

- Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* CPTT tại Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.318.336 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.318.336 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

* CPTT tại Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 190.656.180 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 190.656.180 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Chế độ báo cáo 2: Kết quả hoạt động của cơ sở /doanh nghiệp in

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực. Đồng thời, nhằm thống nhất Danh mục chỉ tiêu báo cáo và Biểu mẫu chỉ tiêu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các doanh nghiệp/cơ sở in tại Quyết định số 248/QĐ-BTTTT và Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT.

- Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

* CPTT tại Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.318.336 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.318.336 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

* CPTT tại Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 190.656.180 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 190.656.180 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

3. Chế độ báo cáo 3: Báo cáo định kỳ hoạt động xuất bản, in và phát hành theo từng Quý trong năm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực. Đồng thời, nhằm thống nhất Danh mục chỉ tiêu báo cáo và Biểu mẫu chỉ tiêu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các doanh nghiệp/cơ sở in tại Công văn số 1961/BTTTT-CXBIPH.

- Sửa đổi khoản 1,2 Điều 1 Thông tư 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.318.336 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.318.336 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

4. Chế độ báo cáo 4: Báo cáo hoạt động in (Năm)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 237.024.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.512.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 118.512.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

5. Chế độ báo cáo 5: Kết quả hoạt động in (Năm)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 177.768.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 118.512.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7%.

6. Chế độ báo cáo 6: Báo cáo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên cho đối tượng là hộ gia đình.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo, giúp hộ gia đình tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3 điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 341.769.961 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 294.354.180 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 47.415.781 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,9%.

PHẦN IX. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 9: KINH DOANH DỊCH VỤ PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Bãi bỏ thực hiện kiểm tra việc triển khai đề án rồi mới xác nhận đăng ký.

- Đơn giản hóa quy trình thực hiện cấp xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử theo hướng chỉ thực hiện thẩm định đề án hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử và cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động ngay (nếu đề án đủ điều kiện và được chấp nhận).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản; Điều 18 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 142.525.824 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 114.438.480 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 28.087.344 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,7%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Mở rộng thêm thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho Sở Thông tin và Truyền thông.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Mở rộng thêm quyền cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho Sở Thông tin và Truyền thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi đề nghị cấp phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm tại địa phương. Đồng thời, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính và giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 2, 3, 4 Điều 44 Luật Xuất bản; mẫu số 33, 34 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* TTHC cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.659.168 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 948.096 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 711.072 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,9%.

* TTHC cấp địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 49.755.040 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.442.880 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 21.332.160 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,9%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm số lượng nhân viên thẩm định nội dung sách đối với trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách tư 05 người xuống còn 03 người.

- Bỏ thành phần hồ sơ chứng minh điều kiện cần phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác.

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 38 Luật Xuất bản; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; mẫu số 06, 23 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.029.584 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 674.048 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 355.536 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,53%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các điểm a, b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; mẫu số 23 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 514.792 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 337.024 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 177.768 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,5%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ từ *03 bản Danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu* chỉ quy định nộp *Danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu.*

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ *15 ngày* xuống còn *10 ngày.*

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Điều 39 Luật Xuất bản; Điều 19 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT; mẫu số 27, 28 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 219.896.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 131.012.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 88.884.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,4%.

1.6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ *bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu cơ sở phát hành* thay bằng *bản scan (có chứng thực) chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước, số định danh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.*

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Bỏ quy định yêu cầu nhà xuất bản phải đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 2, 3 Điều 36; Điều 37 Luật Xuất bản; các khoản 2, 3, 4 Điều 17 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT; mẫu số 36 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*TTHC cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.318.336 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.896.192 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.422.144 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,9%.

*TTHC cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 41.479.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.702.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 17.776.800. đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,9%.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các khoản 2, 3, 4 Điều 17, 18 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* TTHC cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 829.584 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 474.048 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 355.536 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,86%.

* TTHC cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.739.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.851.200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.888.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,86%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).

- Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa khoản 4 Điều 41 Luật Xuất bản; mẫu số 30, 31 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*TTHC cấp Trung ương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.596.880 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.930.360 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.666.520 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,42%.

*TTHC cấp Địa phương

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 219.896.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 131.012.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 88.884.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,42%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: *"... có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác ...".*

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh: "... *có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác ...*".

Lý do: Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: "Trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách ... có ít nhất 05 (năm) nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách ..."

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm điều kiện kinh doanh quy địnhsố lượng nhân viên thẩm định nội dung sách đối với trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách từ *05 người* xuống còn *03 người.*

Lý do: Giảm bớt điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

III. Quy định về chế độ báo cáo:

1. Chế độ báo cáo 1: Một số kết quả hoạt động của cơ sở/doanh nghiệp phát hành (Báo cáo 6 tháng đầu năm/năm)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên.

Lý do: Giảm bớt chế độ báo cáo, chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp. Nhằm thống nhất Danh mục chỉ tiêu báo cáo và Biểu mẫu chỉ tiêu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các doanh nghiệp/cơ sở phát hành tại Quyết định số 248/QĐ-BTTTT và Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT.

- Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.918.028 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.918.028 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Chế độ báo cáo 2: Số lượng lao động phát hành theo tỉnh/thành phố (năm)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo đối với các tổ chức, tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân phủ thực hiện báo cáo. Nhằm thống nhất Danh mục chỉ tiêu báo cáo và Biểu mẫu chỉ tiêu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các doanh nghiệp/cơ sở phát hành tại Quyết định số 248/QĐ-BTTTT và Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT.

- Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.918.028 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.918.028 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

3. Chế độ báo cáo 3: Báo cáo định kỳ hoạt động xuất bản, in và phát hành theo từng Quý trong năm (4 quý)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm toàn bộ chế độ báo cáo nêu trên.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo đối với các tổ chức, doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân phủ thực hiện báo cáo. Nhằm thống nhất Danh mục chỉ tiêu báo cáo và Biểu mẫu chỉ tiêu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bỏ quy định liên quan đến việc báo cáo của các doanh nghiệp/cơ sở in tại Công văn số 1961/BTTTT-CXBIPH.

- Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.918.028 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.918.028 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

4. Chế độ báo cáo 4: Báo cáo kết quả hoạt động phát hành xuất bản phẩm (báo cáo 6 tháng đầu năm/năm)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.918.028 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.096.016 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.822.012 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,9%.

5. Chế độ báo cáo 5: Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu kinh doanh (đối với cơ sở nhập khẩu) báo cáo theo quý

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.132.776 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.532.864 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.599.912 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,79%.

6. Chế độ báo cáo 6: Kết quả hoạt động phát hành (báo cáo năm)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và thực hiện phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 2 Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.918.028 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.096.016 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.822.012 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,86%.

PHẦN X. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 10: DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép bưu chính (thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ xuống còn 01 bộ.

- Thay thế "*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động bưu chính*" và "*Giấy chứng nhận đầu tư hoạt động bưu chính tại Việt Nam*" thành "*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*".

- Sửa đổi quy trình thủ tục cấp giấy phép bưu chính để phù hợp với quy trình cung ứng dịch vụ công mức độ 4: Sửa đổi số lần sửa đổi, bổ sung hồ sơ, sửa đổi phương thức nộp và trả hồ sơ trực tuyến, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục.

- Sửa quy định về bảng giá cước dịch vụ bưu chính theo hướng cụ thể, không để chung chung, khó hiểu, khó thực hiện.

- Sửa quy định về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính chính theo hướng cụ thể, không để quy định chung chung, khó hiểu, khó thực hiện.

- Sửa quy định Tài liệu đã được hợp pháp hóa lãnh sự .

- Bỏ quy định "*Phân tích tính khả thi và lợi ích kinh tế - xã hội của phương án thông qua các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, số lượng lao động, thuế nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ hoàn vốn đầu tư trong 03 năm tới kể từ năm đề nghị cấp phép*".

- Sửa Phụ lục I Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 47/2011/NĐ-CP).

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Bảo đảm các quy định minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh quy định chung chung, khó áp dụng và phù hợp, thống nhất với các quy định khác của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 1; các điểm b, g, h, l khoản 2; bỏ điểm g khoản 3 tại Điều 6; sửa Điều 8 và phụ lục 1 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.822.738.080 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.332.424.308 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 490.313.772 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,37%.

2. Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi thành phần hồ sơ và bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử, mẫu hóa giấy phép bưu chính sửa đổi, bổ sung).

- Sửa Phụ lục IV Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Đồng thời bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy định khác của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 11 và bổ sung phụ lục mẫu giấy phép và sửa phụ lục IV Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 41.107.264 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 40.159.168 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 948.096 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,31%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất, hư hỏng không sử dụng được (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

- Sửa đổi thành phần hồ sơ: Bỏ quy định yêu cầu "bản gốc giấy phép còn thời hạn văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính, đối với trường hợp bị hư hỏng không sử dụng được" trong thành phần hồ sơ.

- Sửa Phụ lục V Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Đồng thời bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy định khác của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 13 và phụ lục V Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.974.048 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.677.768 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,01%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa quy trình thủ tục tiếp nhận thủ tục hành chính và bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

- Sửa đổi thành phần hồ sơ: bỏ quy định yêu cầu "bản sao giấy phép bưu chính được cấp lần gần nhất" trong thành phần hồ sơ.

- Sửa Phụ lục V Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Bảo đảm các quy định minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh quy định chung chung, khó áp dụng và phù hợp, thống nhất với các quy định khác của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 12 và phụ lục V Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 74.837.580 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 73.356.180 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.481.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,98%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy trình thủ tục cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu để phù hợp với quy trình cung ứng dịch vụ công mức độ 4: Sửa đổi số lần sửa đổi, bổ sung hồ sơ, sửa đổi phương thức nộp và trả hồ sơ trực tuyến, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục.

- Sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ xác nhận thông báo hoạt động bưu chính: Sửa quy định về bảng giá cước dịch vụ bưu chính, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính theo hướng cụ thể, không để chung chung, khó hiểu, khó thực hiện.

- Sửa Phụ lục II Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Bảo đảm các quy định minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh quy định chung chung, khó áp dụng và phù hợp, thống nhất với các quy định khác của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi các Điều 7, 8 và phụ lục II Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 306.536.916 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 290.063.748 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 16.473.168 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,37%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất, hư hỏng không sử dụng được (thủ tục hành chính trung ương và địa phương)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

- Bỏ quy định yêu cầu: "Bản gốc văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với trường hợp bị hư hỏng không sử dụng được" trong thành phần hồ sơ.

- Sửa Phụ lục V Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

Lý do: Thuận tiện đơn giản hóa hồ sơ, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Bảo đảm các quy định minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh quy định chung chung, khó áp dụng và phù hợp, thống nhất với các quy định khác của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 13 và phụ lục V Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.607.264 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.651.816 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.955.448 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,51%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Có nhân sự phù hợp với phương án kinh doanh theo nội dung đề nghị được cấp giấy phép.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện nêu trên.

Lý do: Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Bưu chính.

III. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo nghiệp vụ bưu chính.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

- Cắt giảm một số chỉ tiêu chung chung và trùng lặp với các báo cáo khác.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Thông tư số 35/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về báo cáo nghiệp vụ bưu chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 280.280.880 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 112.112.352 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 168.168.528 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60%.

2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 280.280.880 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 168.168.528 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 112.112.352 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

PHẦN XI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 11: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

A. Ngành nghề kinh doanh: Công nghệ thông tin, điện tử

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 619.560 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 237.024 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 382.536 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61,7%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.048.396 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.955.448 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.092.948 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,7%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 338.408 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 148.140 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 190.268 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,2%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 921.840 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 355.536 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 566.304 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61,4%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 337.908 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 148.140 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 189.768 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,2%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cho phép tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài sửa chữa.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 337.908 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 148.140 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 189.768 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,2%.

7. Thủ tục hành chính 7: Cho phép nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó nay không còn được sản xuất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 334.908 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 148.140 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 186.768 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 55,8%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 299.280 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 180.768 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60,4%.

1.9. Thủ tục hành chính 9: Sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 268.652 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 88.884 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 179.768 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,9%.

II. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất phần mềm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 183.768 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 177.768 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3%.

2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo kết quả tổ chức thi và cấp phát chứng chỉ công nghệ thông tin

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 65.256 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,2 %.

3. Chế độ báo cáo 3: Báo cáo thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt bỏ chế độ báo cáo này.

Lý do: Cắt giảm chế độ báo cáo, giúp tiết kiệm thời gian và giảm thời gian chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 2 Điều 18 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTTcủa Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức và cấp chứng chỉ ứng công nghệ thông tin.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 449.792 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 449.792 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

B. Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài

I. Quy định về thủ tục hành chính:

1. Thủ tục hành chính 1: Cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 370.908 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 148.140 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 222.768 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu điều kiện 1: Cơ sở, nhà máy sản xuất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.814 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.814 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,3%.

2. Yêu cầu điều kiện 2: Hệ thống dây chuyền thiết bị

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.814 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.814 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,3%.

2.3. Yêu cầu điều kiện 3: Nhân lực đáp ứng quy mô sản xuất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.814 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.814 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,3%.

4. Yêu cầu điều kiện 4: Phải có phương án, biện pháp bảo đảm quá trình thực hiện hoạt động gia công sửa chữa không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Hàng hóa nhập khẩu không được gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Hàng hóa nhập khẩu chỉ để phục vụ trực tiếp cho hoạt động gia công của thương nhân, không được phục vụ mục đích bán, biếu, tặng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39.628 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 29.628 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,2%.

III. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động sửa chữa hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 60.256 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,7%.

PHẦN XII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 12: KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Chỉ định tổ chức thử nghiệm lĩnh vực thông tin và truyền thông.

a) Nội dung đơn giản, cắt giảm hóa:

- Đề nghị rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghê rà soát sửa đổi tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.141.364 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 770.328 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 371.036 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,5%.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, sửa đổi Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.143.364 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 995.224 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 148.140 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13%.

3. Thủ tục hành chính 3: Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, sửa đổi Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.374.074 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.135.550 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 238.524 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,4%.

PHẦN XIII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 13: KINH DOANH DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ, DUY TRÌ TÊN MIỀN

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Nhân lực phù hợp với quy mô hoạt động để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt bỏ toàn bộ yêu cầu điều kiện nêu trên.

Lý do: Hàng năm, VNNIC tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ miễn phí cho nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ tên miền của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn", nên yêu cầu đầu vào về nhân sự đề xuất lược bỏ để thuận tiện cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

PHẦN XIV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 14: INTERNET

1. Thủ tục hành chính: Cấp, phân bổ địa chỉ IP (V4, V6) và Cấp, phân bổ số hiệu mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Gộp 02 thủ tục cấp, phân bổ địa chỉ IP và cấp, phân bổ số hiệu mạng, qua đó cắt giảm được 01 hồ sơ, thủ tục.

- Đơn giản hóa thông tin hồ sơ.

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử

(chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 4 Điều 17 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP. Các Điều 23, 26 Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 775.164.600 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 595.225.300 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 179.939.300 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,7%.

PHẦN XIV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 14: INTERNET

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do hết hạn

a) Nội dung đơn giản, cắt giảm hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.755.224 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.527.752 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.227.472 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 46,8%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

a) Nội dung đơn giản, cắt giảm hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 44.306.940 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.919.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 29.387.940 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 66,3%.

3. Thủ tục hành chính 3: Thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.672.616 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.149.216 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.523.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 41,5%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.672.616 đồng/năm.

-Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.149.216 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.523.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 41,5%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.413.096 đồng/năm.

-Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.149.216 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.263.880 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 74,5%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công mức độ 4.

Lý do: Thuận tiện, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.473.352 đồng/năm.

-Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.209.472 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 6.263.880 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 73,9%.

7. Thủ tục hành chính 7: Thay đổi nội dung giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.015.856 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.149.216 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.866.640 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 64,27%.

II. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo đột xuất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 6 Thông tư số 17/2014/TT-BTTTT ngày 26/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền Thông quy định chế độ báo cáo về hoạt động chứng thực chữ ký số (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 17/2014/TT-BTTTT).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.027.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.812.672 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.214.528 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 43,4%.

2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo định kỳ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.

Lý do: Giúp cho doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo dễ dàng, đơn giản hơn, qua đó giảm thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 5 Thông tư số 17/2014/TT-BTTTT.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.027.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.760.768 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.266.432 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm: 35,5%.

PHẦN XV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 15: SẢN PHẨM DỊCH VỤ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử; giảm số lượng bản sao, tăng cường kiểm tra liên thông thông tin đối với giấy phép do Bộ cấp).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 7 Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 32.114.600 đồng/năm.

- Chi phú tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.444.200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 17.670.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm, đơn giản hóa: 55%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 367.652 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủsau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 159.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 208.396 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,7%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng (trừ trường hợp cấp phép kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

- Cắt giảm thủ tục liên quan đến việc chứng minh nhân sự điều hành đáp ứng được yêu cầu chuyên môn về an toàn thông tin.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 43 Luật An toàn thông tin mạng.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 321.450.384 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 265.938.874 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 55.511.510 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,3%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng (trường hợp cấp phép kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

- Cắt giảm thủ tục liên quan đến việc chứng minh nhân sự điều hành đáp ứng được yêu cầu về kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin.

- Cắt giảm thủ tục liên quan đến việc chứng minh nhân sự điều hành đáp ứng được yêu cầu là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 43 Luật An toàn thông tin mạng.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.506.976 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 55.021.836 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 11.485.140 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,3%.

5. Thủ tục hành chính 5: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.292.940 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.829.584 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.463.356 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,1%.

6. Thủ tục hành chính 6: Gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.009.676 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 677.768 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 331.908 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,87%.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 237.524 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 178.268 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75,1%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy chứng nhận tên định danh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 704.920 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 259.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 445.664 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 63,2%.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp lại giấy chứng nhận tên định danh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 604.920 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 159.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 445.664 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73,67%.

10. Thủ tục hành chính 10: Gia hạn giấy chứng nhận tên định danh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 604.920 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 159.256 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 445.664 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73,67%.

11. Thủ tục hành chính 11: Báo cáo định kỳ của thành viên mạng lưới về hoạt động ứng cứu sự cố

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.459.020 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.406.560 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.052.460 đồng/ăm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,3%.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển an toàn thông tin mạng quốc gia

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ điều kiện "*quy hoạch*" để phù hợp với Luật hiện hành, sửa thành "*Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển an toàn thông tin mạng quốc gia*".

Lý do: Phù hợp với Điều 18 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 42 Luật An toàn thông tin mạng.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Có đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu chuyên môn về an toàn thông tin

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ điều kiện "*điều hành*", sửa đổi lại thành "*Có đội ngũ quản lý, kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu chuyên môn về an toàn thông tin*".

Lý do: Trong lĩnh vực an toàn thông tin, đội ngũ quản lý và kỹ thuật có vai trò quan trọng, quyết định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, do đó vẫn cần có quy định để đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo mật và yêu cầu kỹ thuật. Đối với đội ngũ điều hành chung thì doanh nghiệp có thể chủ động, tự quyết định phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa một phần điểm c khoản 1 Điều 42 Luật An toàn thông tin mạng.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.928.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.471.100 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.457.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,14%.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Người đại diện theo pháp luật, đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ điều kiện "*điều hành*", sửa đổi lại thành "*Người đại diện theo pháp luật, đội ngũ quản lý, kỹ thuật là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam*".

Lý do: Trong lĩnh vực an toàn thông tin, đội ngũ quản lý và kỹ thuật có vai trò quan trọng, quyết định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, do đó vẫn cần có quy định để đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo mật và yêu cầu kỹ thuật. Đối với đội ngũ điều hành chung thì doanh nghiệp có thể chủ động, tự quyết định phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa một phần điểm c khoản 2 Điều 42 Luật An toàn thông tin mạng.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.928.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.471.100 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.457.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,14%.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật có văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ điều kiện "*điều hành*", sửa đổi lại thành "*Có đội ngũ quản lý, kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu chuyên môn về an toàn thông tin*".

Lý do: Trong lĩnh vực an toàn thông tin, đội ngũ quản lý và kỹ thuật có vai trò quan trọng, quyết định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, do đó vẫn cần có quy định để đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo mật và yêu cầu kỹ thuật. Đối với đội ngũ điều hành chung thì doanh nghiệp có thể chủ động, tự quyết định phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa một phần điểm e khoản 2 Điều 42 Luật An toàn thông tin mạng.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.928.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.471.100 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.457.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,14%.

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật có văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật thông tin.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ điều kiện "*điều hành*", sửa đổi lại thành "*Đội ngũ quản lý, kỹ thuật có văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật thông tin*".

Lý do: Trong lĩnh vực an toàn thông tin, đội ngũ quản lý và kỹ thuật có vai trò quan trọng, quyết định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, do đó vẫn cần có quy định để đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo mật và yêu cầu kỹ thuật. Đối với đội ngũ điều hành chung thì doanh nghiệp có thể chủ động, tự quyết định phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa một phần điểm b khoản 3 Điều 42 Luật An toàn thông tin mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.928.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.471.100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.457.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,14%./.